

Số: *2658* /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày *27* tháng *12* năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực hoạt động tiền tệ, lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

### THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động tiền tệ quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-NHNN; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng quy định

tại Thông tư số 25/2019/TT-NHNN thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ:

(i) Ngày 17/01/2020 đối với các thủ tục hành chính được quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-NHNN;

(ii) Ngày 18/01/2020 đối với các thủ tục hành chính được quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.


**Điều 3.** Quyết định này bãi bỏ nội dung các thủ tục hành chính có mã như sau: mã 1.006872; 1.006877 được công bố tại Quyết định số 1998/QĐ-NHNN ngày 06/10/2015; mã 1.003313; 1.003307; 1.003302 được công bố tại Quyết định số 2665/QĐ-NHNN ngày 22/12/2017; mã 2.000827 được công bố tại Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 25/12/2018;.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-VPCP (để p/h);
- Văn phòng NHNN;
- Lưu: VP, CSTT. *uu*

*Đ.* **THÔNG ĐỐC**  
**PHÓ THÔNG ĐỐC**



**Đào Minh Tú**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ  
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TIỀN TỆ, LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG  
NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA THUỘC PHẠM VI CHỨC  
NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2658 /QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>				
1	Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ thanh khoản	Thông tư số 24/2019/TT-NHNN	Hoạt động tiền tệ	Vụ Chính sách tiền tệ
2	Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển	Thông tư số 24/2019/TT-NHNN	Hoạt động tiền tệ	Vụ Chính sách tiền tệ

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
<b>Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố</b>					
1	2.000827	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	Thông tư số 25/2019/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

**3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ	Tên thủ tục	Tên thủ tục	Tên	Lĩnh vực	Đơn vị
-----	----------	-------------	-------------	-----	----------	--------

	TTHC	hành chính được thay thế	hành chính thay thế	VBQPPL quy định nội dung thay thế		thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt nam</b>						
1	1.003307	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thông tư số 25/2019/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	1.003313	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp đổi Giấy phép				
3	1.003302	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng thời đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép				
<b>B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố</b>						
1	1.003307	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép	Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà	Thông tư số 25/2019/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
2	1.003313	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp đổi Giấy phép				
3	1.003302	Thủ tục ngân				

		hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng thời đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép	nước chỉ nhánh tỉnh, thành phố			
4	1.006872	Đổi tên văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt nam	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đổi với nội dung thay đổi của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam	Thông tư số 25/2019/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
5	1.006877	Chuyển địa điểm văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.				
6	1.000648	Gia hạn thời gian hoạt động đối với văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam				

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

### **A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

#### **1. Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ thanh khoản**

##### **- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính (sau đây gọi là tổ chức tín dụng) gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ).

Trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng phải gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 20 ngày làm việc;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng theo quy định và các văn bản cập nhật, bổ sung, làm rõ của tổ chức tín dụng (nếu có), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng; trường hợp không đồng ý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản nêu lý do gửi tổ chức tín dụng.

##### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

##### **- Thành phần hồ sơ:**

a) Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn);

b) Báo cáo cụ thể về các nội dung: Việc đáp ứng đủ các điều kiện tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN; tình hình khó khăn về khả năng chi trả của tổ chức tín dụng; giải trình số tiền đề nghị vay tái cấp vốn; biện pháp đã áp dụng và dự kiến áp dụng để khắc phục khó khăn về khả năng chi trả và trả nợ vay tái cấp vốn;

c) Bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (02 bản);

d) Báo cáo số liệu theo Phụ lục số 04, Phụ lục số 05, Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn).

##### **- Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn (trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đồng ý); văn bản nêu lý do (trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không đồng ý).

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị vay tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Số liệu nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Báo cáo về tình hình sử dụng giấy tờ có giá theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Dự kiến nhu cầu sử dụng vốn, khả năng cân đối vốn VND theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng nhằm hỗ trợ thanh khoản đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(i) Gặp khó khăn về khả năng chi trả và không trong thời gian được kiểm soát đặc biệt.

(ii) Có cam kết về việc không có hoặc đã sử dụng hết giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn và cam kết các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng (theo Phụ lục số 03) để tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN, cụ thể như sau:

+ Khoản cho vay bằng đồng Việt Nam, có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay và được phân loại nợ vào nhóm 1 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ của tổ chức tín dụng;

+ Không phải là khoản cho vay đối với ngành, lĩnh vực mà Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng hạn chế, kiểm soát tín dụng trong từng thời kỳ;

+ Khoản cho vay không được sử dụng vào mục đích khác;

+ Tại ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, thời hạn còn lại của khoản cho vay dài hơn thời hạn đề nghị vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn ít nhất 60 ngày).

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng.



## Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Số văn bản: .... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày ... tháng ... năm ...

### GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY TÁI CẤP VỐN

#### Dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax:...

Số hiệu tài khoản thanh toán bằng VND: ... tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố ... (nơi dự kiến nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn)

Căn cứ Nghị định số ... của Chính phủ quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hỗ trợ cho vay đối với ngành, lĩnh vực ... (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực) thông qua công cụ chính sách tiền tệ (trường hợp vay tái cấp vốn hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển);

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng (trường hợp vay tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản);

Tổ chức tín dụng ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng như sau:

1. Số tiền đề nghị vay: (bằng số) ... đồng, (bằng chữ) ... đồng
2. Mục đích: ...
3. Thời hạn: ...
4. Lãi suất: ...
5. Tổng dư nợ gốc của các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn: ... đồng (Bảng kê số ... ngày .../.../... đính kèm).
6. Dự kiến nguồn trả nợ vay tái cấp vốn: ...

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn là chính xác. Tổ chức tín dụng cam kết tuân thủ đúng các quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp**

**của tổ chức tín dụng**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)*

Tên tổ chức tín dụng ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số văn bản: ....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN**

**Dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax:...

Số hiệu tài khoản thanh toán bằng VND: ... tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố (nơi tổ chức tín dụng có nợ vay tái cấp vốn có nhu cầu gia hạn);

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

Tổ chức tín dụng ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng như sau:

1. Số tiền đề nghị gia hạn: (bằng số) ... đồng, (bằng chữ) ... đồng (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn theo Quyết định số... ngày...)

2. Lý do đề nghị gia hạn: ...

3. Thời hạn: ...

4. Lãi suất: ...

5. Tổng dư nợ gốc của các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng đề gia hạn vay tái cấp vốn: ... đồng (Bảng kê số ... ngày .../.../... đính kèm).

6. Dự kiến nguồn trả nợ vay tái cấp vốn: ...

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn là chính xác. Tổ chức tín dụng cam kết tuân thủ đúng các quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp**

**của tổ chức tín dụng**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 03**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng ...

Số văn bản: ...

**BẢNG KÊ HỒ SƠ TÍN DỤNG ĐỂ VAY TÁI CẤP VỐN HOẶC GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN**

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên chi nhánh của TCTD	Tên khách hàng	Số hiệu hợp đồng tín dụng	Dư nợ gốc	Nhóm nợ	Ngày giải ngân cho vay	Ngày đến hạn	Mục đích vay vốn của khách hàng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Chi nhánh A	...	...	...	1	...	...	...	Có bảo đảm bằng tài sản đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay
2		...	...	...	1	...	...	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>				...					

Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các thông tin, số liệu tại Bảng kê này là chính xác, các khoản cho vay liệt kê tại Bảng kê đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư 24/2019/TT-NHNN (trường hợp hỗ trợ thanh khoản)/ Điều 18 Thông tư 24/2019/TT-NHNN (trường hợp hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển).

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập bảng kê:**

- Thông tin, số liệu tại bảng kê tính đến ngày gần nhất ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn, Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn hoặc tổ chức tín dụng cập nhật thông tin, số liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.
- Cột (5): Định dạng "Number".
- Cột (7), cột (8): Định dạng "dd/mm/yyyy".
- Cột (9): Cụ thể theo ngành, lĩnh vực cho vay đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 24/2019/TT-NHNN. Định dạng "sort A to Z".

**Phụ lục số 04**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng .....

Số văn bản: ....

**SỐ LIỆU NGUỒN VỐN, SỬ DỤNG VỐN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Ngày cuối năm trước liền kề	Ngày cuối tháng trước liền kề	Ngày ... (gần nhất tính đến ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn, Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn)		
				Số dư	Thay đổi so với cuối năm trước	Thay đổi so với cuối tháng trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (3)	(7) = (5) - (4)
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn VND</b>	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền gửi từ cá nhân, tổ chức (trừ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước) (=1.1 + 1.2)	...	...	...	...	...
1.1	Cá nhân	...	...	...	...	...
1.2	Tổ chức (trừ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước)	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	...	...	...	...	...
3	Vay, nhận tiền gửi từ TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	...	...	...	...	...
4	Vay NHNN	...	...	...	...	...
<b>II</b>	<b>Sử dụng vốn VND</b>	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền mặt tại quỹ	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi tại NHNN	...	...	...	...	...
3	Cho vay, gửi tiền tại TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	...	...	...	...	...
4	Tín dụng đối với nền kinh tế	...	...	...	...	...
5	Giấy tờ có giá (= 5.1 + 5.2 + 5.3)	...	...	...	...	...
5.1	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	...	...	...	...	...
5.2	Tín phiếu NHNN	...	...	...	...	...
5.3	Giấy tờ có giá khác (ghi rõ)	...	...	...	...	...

Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các số liệu tại Bảng trên đây là chính xác.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp**

**của tổ chức tín dụng**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 05**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng .....

Số văn bản: ....

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Số dư
1	Tổng giá trị giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	...
2	Tổng giá trị giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã sử dụng (= 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4)	...
2.1	Đã sử dụng trong giao dịch nghiệp vụ thị trường mở	...
2.2	Đã sử dụng vay tái cấp vốn	...
2.3	Đã sử dụng trong giao dịch thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	...
2.4	Đã sử dụng cho mục đích khác (ghi rõ từng mục đích)	...

Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các số liệu tại Báo cáo này là chính xác, tổ chức tín dụng không có (hoặc đã sử dụng hết) giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp**  
**của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:** Số liệu báo cáo tại ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn.

**Phụ lục số 06**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng .....

Số văn bản: ....

**DỰ KIẾN NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN VND**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày...đến ... (phù hợp với thời hạn đề nghị vay tái cấp vốn)
<b>1</b>	<b>NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN VND (= 1.1+1.2)</b>	...
1.1	Chi trả tiền gửi, trả nợ vay theo kế hoạch	...
1.2	Chi trả tiền gửi, trả nợ vay ngoài kế hoạch	...
<b>2</b>	<b>KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN VND (= 2.1+2.2+2.3+2.4)</b>	...
2.1	Huy động vốn từ cá nhân, tổ chức (không bao gồm TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)	...
2.2	Huy động vốn từ TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	...
2.3	Thu nợ tín dụng từ cá nhân, tổ chức	...
2.4	Nguồn khác (nêu rõ)	...
<b>3</b>	<b>DỰ KIẾN CHÊNH LỆCH KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN VND - NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN VND (= 2 - 1)</b>	...

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp**  
**của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Chỉ tiêu 1 “Nhu cầu sử dụng vốn VND”: Tổ chức tín dụng dự kiến số liệu nhu cầu chi trả tiền gửi bằng đồng Việt Nam cho khách hàng là cá nhân, tổ chức, chi trả tiền gửi, trả nợ vay bằng đồng Việt Nam cho tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi chung là chi trả tiền gửi, trả nợ vay) theo kế hoạch và ngoài kế hoạch.

- Chỉ tiêu 2 “Khả năng cân đối vốn VND”: Tổ chức tín dụng dự kiến số liệu vốn bằng đồng Việt Nam có thể cân đối được từ các nguồn huy động vốn, thu nợ tín dụng, nguồn khác để đáp ứng nhu cầu chi trả tiền gửi, trả nợ vay tại Chỉ tiêu 1.

**2. Thủ tục tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tổ chức tín dụng gửi 01 bộ hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ). Trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 25 ngày làm việc;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng theo quy định và các văn bản cập nhật, bổ sung, làm rõ của tổ chức tín dụng (nếu có), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng; trường hợp không đồng ý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản nêu lý do gửi tổ chức tín dụng.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

**- Thành phần hồ sơ:**

a) Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (đối với trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn);

b) Báo cáo cụ thể về các nội dung:

(i)Việc đáp ứng đủ các điều kiện tái cấp vốn theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN; tình hình cho vay đối với ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển theo mục đích đề nghị vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng (đối với trường hợp đề nghị vay tái cấp vốn);

(ii)Việc đáp ứng đủ các điều kiện gia hạn tái cấp vốn theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN; tình hình khó khăn về khả năng chi trả của tổ chức tín dụng; biện pháp đã áp dụng và dự kiến áp dụng để khắc phục khó khăn về khả năng chi trả và trả nợ vay tái cấp vốn (đối với trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn);

c) Bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN (02 bản);

d) Báo cáo số liệu theo Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn (trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đồng ý); văn bản nêu lý do (trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không đồng ý)

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị vay tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Số liệu nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Báo cáo về tình hình sử dụng giấy tờ có giá theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Trường hợp đề nghị vay tái cấp vốn:

(i) Không trong thời gian: Được kiểm soát đặc biệt hoặc bị áp dụng can thiệp sớm hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.

(ii) Tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian 12 tháng liên tục trước ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

(iii) Có cam kết về việc không có hoặc đã sử dụng hết giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn và cam kết các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 18 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN, cụ thể như sau:

+ Là khoản cho vay đối với ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển theo mục đích tại Giấy đề nghị vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN;

+ Khoản cho vay bằng đồng Việt Nam, có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay và được phân loại nợ vào nhóm 1 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ của tổ chức tín dụng;

+ Khoản cho vay không được sử dụng vào mục đích khác;



+ Tại ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn, thời hạn còn lại của khoản cho vay dài hơn thời hạn đề nghị vay tái cấp vốn ít nhất 60 ngày.

b) Trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn

(i) Gặp khó khăn về khả năng chi trả.

(ii) Không trong thời gian: Được kiểm soát đặc biệt hoặc bị áp dụng can thiệp sớm hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.

(iii) Có cam kết về việc không có hoặc đã sử dụng hết giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày có Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn và cam kết các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng để gia hạn vay tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 18 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN, cụ thể như sau:

+ Là khoản cho vay đối với ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển theo mục đích tổ chức tín dụng đang vay tái cấp vốn;

+ Khoản cho vay bằng đồng Việt Nam, có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay và được phân loại nợ vào nhóm 1 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ của tổ chức tín dụng;

+ Khoản cho vay không được sử dụng vào mục đích khác;

+ Tại ngày có Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, thời hạn còn lại của khoản cho vay dài hơn thời hạn đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn ít nhất 60 ngày.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng.

## Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số văn bản: ....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY TÁI CẤP VỐN**

#### **Dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax:...

Số hiệu tài khoản thanh toán bằng VND: ... tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố ... (nơi dự kiến nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn)

Căn cứ Nghị định số ... của Chính phủ quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hỗ trợ cho vay đối với ngành, lĩnh vực ... (nêu cụ thể ngành, lĩnh vực) thông qua công cụ chính sách tiền tệ (trường hợp vay tái cấp vốn hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển);

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng (trường hợp vay tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản);

Tổ chức tín dụng ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng như sau:

1. Số tiền đề nghị vay: (bằng số) ... đồng, (bằng chữ) ... đồng
2. Mục đích: ...
3. Thời hạn: ...
4. Lãi suất: ...
5. Tổng dư nợ gốc của các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng để vay tái cấp vốn: ... đồng (Bảng kê số ... ngày .../.../... đính kèm).
6. Dự kiến nguồn trả nợ vay tái cấp vốn: ...

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn là chính xác. Tổ chức tín dụng cam kết tuân thủ đúng các quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp**

**của tổ chức tín dụng**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

## Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số văn bản: ....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN**

#### **Dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax:...

Số hiệu tài khoản thanh toán bằng VND: ... tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố (nơi tổ chức tín dụng có nợ vay tái cấp vốn có nhu cầu gia hạn);

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

Tổ chức tín dụng ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gia hạn tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng như sau:

1. Số tiền đề nghị gia hạn: (bằng số) ... đồng, (bằng chữ) ... đồng (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn theo Quyết định số... ngày...)

2. Lý do đề nghị gia hạn: ...

3. Thời hạn: ...

4. Lãi suất: ...

5. Tổng dư nợ gốc của các khoản cho vay trong bảng kê hồ sơ tín dụng để gia hạn vay tái cấp vốn: ... đồng (Bảng kê số ... ngày .../.../... đính kèm).

6. Dự kiến nguồn trả nợ vay tái cấp vốn: ...

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn là chính xác. Tổ chức tín dụng cam kết tuân thủ đúng các quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp**

**của tổ chức tín dụng**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)*

Tên tổ chức tín dụng ...

Số văn bản: ...

**BẢNG KÊ HỒ SƠ TÍN DỤNG ĐỀ VAY TÁI CẤP VỐN HOẶC GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN**

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên chi nhánh của TCTD	Tên khách hàng	Số hiệu hợp đồng tín dụng	Dư nợ gốc	Nhóm nợ	Ngày giải ngân cho vay	Ngày đến hạn	Mục đích vay vốn của khách hàng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Chi nhánh A	...	...	...	1	...	...	...	Có bảo đảm bằng tài sản đối với toàn bộ giá trị khoản cho vay
2		...	...	...	1	...	...		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>				...					

*Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các thông tin, số liệu tại Bảng kê này là chính xác, các khoản cho vay liệt kê tại Bảng kê đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư 24/2019/TT-NHNN (trường hợp hỗ trợ thanh khoản)/ Điều 18 Thông tư 24/2019/TT-NHNN (trường hợp hỗ trợ nguồn vốn cho vay ngành, lĩnh vực được khuyến khích phát triển).*

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập bảng kê:**

- Thông tin, số liệu tại bảng kê tính đến ngày gần nhất ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn, Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn hoặc tổ chức tín dụng cập nhật thông tin, số liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 24/2019/TT-NHNN.
- Cột (5): Định dạng "Number".
- Cột (7), cột (8): Định dạng "dd/mm/yyyy".
- Cột (9): Cụ thể theo ngành, lĩnh vực cho vay đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 24/2019/TT-NHNN. Định dạng "sort A to Z".

**Phụ lục số 04**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng .....

Số văn bản: ....

**SỐ LIỆU NGUỒN VỐN, SỬ DỤNG VỐN BẢNG ĐỒNG VIỆT NAM**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày cuối năm trước liền kề	Ngày cuối tháng trước liền kề	Ngày ... (gần nhất tính đến ngày có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn, Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn)		
				Số dư	Thay đổi so với cuối năm trước	Thay đổi so với cuối tháng trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (3)	(7) = (5) - (4)
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn VND</b>	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền gửi từ cá nhân, tổ chức (trừ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước) (=1.1 + 1.2)	...	...	...	...	...
1.1	Cá nhân	...	...	...	...	...
1.2	Tổ chức (trừ TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước)	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	...	...	...	...	...
3	Vay, nhận tiền gửi từ TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	...	...	...	...	...
4	Vay NHNN	...	...	...	...	...
<b>II</b>	<b>Sử dụng vốn VND</b>	...	...	...	...	...
	Trong đó,					
1	Tiền mặt tại quỹ	...	...	...	...	...
2	Tiền gửi tại NHNN	...	...	...	...	...
3	Cho vay, gửi tiền tại TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	...	...	...	...	...
4	Tín dụng đối với nền kinh tế	...	...	...	...	...
5	Giấy tờ có giá (= 5.1 + 5.2 + 5.3)	...	...	...	...	...
5.1	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	...	...	...	...	...
5.2	Tín phiếu NHNN	...	...	...	...	...
5.3	Giấy tờ có giá khác (ghi rõ)	...	...	...	...	...

Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các số liệu tại Bảng trên đây là chính xác.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp**  
**của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn dưới hình thức cho vay lại theo hồ sơ tín dụng đối với tổ chức tín dụng)*

Tên tổ chức tín dụng .....

Số văn bản: ....

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Số dư
1	Tổng giá trị giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	...
2	Tổng giá trị giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã sử dụng (= 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4)	...
2.1	Đã sử dụng trong giao dịch nghiệp vụ thị trường mở	...
2.2	Đã sử dụng vay tái cấp vốn	...
2.3	Đã sử dụng trong giao dịch thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	...
2.4	Đã sử dụng cho mục đích khác (ghi rõ từng mục đích)	...

*Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm và cam kết các số liệu tại Báo cáo này là chính xác, tổ chức tín dụng không có (hoặc đã sử dụng hết) giấy tờ có giá thuộc danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**Lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Người đại diện hợp pháp**  
**của tổ chức tín dụng**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn lập báo cáo:** Số liệu báo cáo tại ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn hoặc Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn.

**3. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

+ Bước 2: Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

✓ Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật;

✓ Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

✓ Ngân hàng thương mại phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

✓ Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

+ Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ. Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, trong đơn cần có nội dung báo cáo về việc Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ.

✓ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

✓ Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán vào Giấy phép, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép.

+ Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký trong đó có đầy đủ các nội dung quy định tại đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép nêu trên;

✓ Các thành phần hồ sơ quy định đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép);



+ Giấy phép (trường hợp cấp đổi, cấp đổi đồng thời bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép).

**- Lệ phí:**

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, hoặc đồng thời cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép của Ngân hàng thương mại: 70.000.000 đồng

+ Lệ phí cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, hoặc đồng thời cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi; đồng thời, điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01a, 01b ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

+ Đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; hoạt động kinh doanh vàng miếng; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 24 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01a) và khoản 23 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 01b1) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

## **B. Thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

**1. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tỉnh thành phố nơi đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

✓ Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật;

✓ Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện và có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

✓ Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

+ Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung và có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ. Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ, trong đơn cần có nội dung báo cáo về việc Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ.

✓ Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép;

✓ Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán vào Giấy phép, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép.

+ Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép:

✓ Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký trong đó có đầy đủ các nội dung quy định tại đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép nêu trên;

✓ Các thành phần hồ sơ quy định đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 40 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép);

+ Giấy phép (trường hợp cấp đổi, cấp đổi đồng thời bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép).

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi; đồng thời, điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01a, 01b ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

+ Đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; hoạt động kinh doanh vàng miếng; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 23 Điều 4 Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 01b2) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

#### **- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động

của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

## **2. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện dự kiến đặt trụ sở.

+ Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính;

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

+ Bản sao Giấy phép hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cấp cho tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam; trường hợp quy định của nước nguyên xứ không yêu cầu phải có văn bản cho phép thì phải có bằng chứng chứng minh việc này.

+ Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

+ Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung có xác nhận của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, phiếu lý lịch tư pháp:

Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

+ Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện.

+ Danh mục tài liệu.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ gồm 01 bộ tiếng Anh và 01 bộ tiếng Việt theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

- **Thời hạn giải quyết:** 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

- **Lệ phí (nếu có):** 1.000.000 đồng

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02c Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

+ Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;

+ Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân

hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Phụ lục số 02c

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
**THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số..... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố... xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện:
  - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
  - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện:
3. Nội dung hoạt động:
4. Thời gian hoạt động:
5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện của văn phòng đại diện (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.
- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

**Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng**

*(ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)*

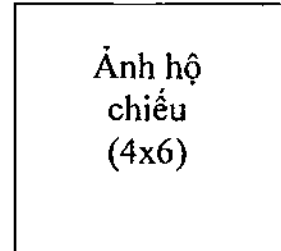
**Phụ lục số 03**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Thông tin cá nhân
  - Họ và tên
  - Ngày tháng năm sinh
  - Nơi sinh
  - Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
  - Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
  - Nơi ở hiện nay:
  - Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác
  - Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).
2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).
3. Quá trình công tác
  - Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
  - Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.
  - Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
  - Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).
4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp là cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).
5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.
6. Tôi,.....xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.



..., ngày...tháng...năm...

**Xác nhận của cấp có thẩm quyền của đơn vị công tác hoặc chính quyền nơi cư trú**

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ và tên)

**3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Văn phòng đại diện lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở đối với trường hợp thay đổi tên, gia hạn thời hạn hoạt động hoặc gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi dự kiến chuyển trụ sở đến đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở. Đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn gửi hồ sơ tối thiểu 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực;

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Văn phòng đại diện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của Văn phòng đại diện. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị thay đổi do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Nội dung hiện tại;

(ii) Nội dung dự kiến thay đổi. Đối với tên dự kiến thay đổi phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung;

(iii) Lý do thay đổi;

+ Tài liệu chứng minh lý do thay đổi (đối với trường hợp thay đổi tên); hoặc tài liệu chứng minh văn phòng đại diện có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới (đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở);

+ Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của văn phòng đại diện đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động (trong đó nêu rõ tình hình hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị và kế hoạch hoạt động trong năm tiếp theo).

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ gồm 01 bộ tiếng Anh và 01 bộ tiếng Việt theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 được sửa đổi, bổ sung.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

+ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

